



**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ  
VÀ SỬA CHỮA ĐƯỜNG BỘ ĐĂK LĂK**

*Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

## **MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 23

# CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ SỬA CHỮA ĐƯỜNG BỘ ĐĂK LĂK

Địa chỉ : 36 Hùng Vương, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đăk Lăk (sau đây gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đăk Lăk là Doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích được thành lập bởi Bộ giao thông vận tải theo quyết định số 495/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 25 tháng 3 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40.06.000025 ngày 12 tháng 5 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Lăk cấp. Vào ngày 16 tháng 06 năm 2010 Công ty đã chính thức chuyển đổi từ Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đăk Lăk, Công ty Nhà nước thuộc Cục Đường bộ Việt nam thành Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đăk Lăk theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải số 3671/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 12 năm 2009 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000235066 ngày 16 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Lăk cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm nay và các năm trước là Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đường bộ; đảm bảo giao thông khi có thiên tai, địch họa xảy ra trên địa bàn quản hat được giao; Sản xuất vật liệu xây dựng, bán thành phẩm, sửa chữa phụ trợ và kinh doanh dịch vụ khác; Sửa chữa, xây dựng các công trình giao thông thủy lợi; Kinh doanh xăng, dầu; Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh bất động sản.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm: 33.793.632.566 VND.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 36 Hùng Vương, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lãi/lỗ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại trang 8.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập Bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập Báo cáo này như sau:

#### Ban Giám đốc

Ông Phạm Ngọc Thành  
Ông Nguyễn Tất Giang  
Ông Mã Minh Lợi

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
Phó Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ SỬA CHỮA ĐƯỜNG BỘ ĐĂK LĂK  
Địa chỉ : 36 Hùng Vương, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM) kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty các năm sau.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc có trách nhiệm:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi đã phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ông Phạm Ngọc Thành  
Giám đốc  
Đăk Lăk, ngày 23 tháng 4 năm 2013



Võ Mật



Số: 49...../2012/BCTC/FADACOM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đăk Lăk  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đăk Lăk**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM), đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đăk Lăk (sau đây gọi là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 5 đến trang 24. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

### *Cơ sở ý kiến kiểm toán*

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### *Hạn chế trong phạm vi kiểm toán*

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho tại ngày 31/12/2012, Các thủ tục kiểm toán thay thế không thực hiện được, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của khoản mục này cũng như những ảnh hưởng (nếu có) đến những khoản mục khác trên báo cáo tài chính.

Do chưa được cung cấp đầy đủ các bản đối chiếu công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2012, do vậy tại báo cáo này chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục công nợ phải thu, phải trả cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng tới các khoản mục khác trên Báo tài chính kết thúc cùng ngày.

Công ty cũng chưa đánh giá sản phẩm dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, điều này có thể ảnh hưởng đến tình hình kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 của đơn vị.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính vì những lý do nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đăk Lăk vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



---

**Giáp Đăng Khoa**  
Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 1423/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 4 năm 2013

---

**Nguyễn Hữu Hoàn**  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 2714/KTV

**BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN**  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2012	Đơn vị tính: VND
			VND	01/01/2012
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> $(100 = 110+120+130+140+150)$	100		<b>122.877.264.317</b>	<b>155.045.487.520</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110		<b>3.291.486.638</b>	<b>2.634.174.308</b>
1. Tiền	111	V.01	3.291.486.638	2.634.174.308
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>67.250.611.603</b>	<b>92.723.438.232</b>
1. Phải thu khách hàng	131	VII.01	35.800.261.911	49.098.038.960
2. Trả trước cho người bán	132	VII.01	25.288.085.884	40.046.915.985
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	18.730.042
4. Các khoản phải thu khác	135	V.02	6.162.263.808	4.240.606.038
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	(680.852.793)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	140		<b>49.594.142.299</b>	<b>53.385.363.014</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.03	49.594.142.299	53.385.363.014
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>2.741.023.777</b>	<b>6.302.511.966</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	11.287.149	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.729.736.628	6.302.511.966
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> $(200 = 210+220+240+250+260)$	200		<b>95.490.813.483</b>	<b>111.552.565.272</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	220		<b>92.425.173.268</b>	<b>110.254.420.364</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	78.475.822.539	98.294.950.989
- Nguyên giá	222		133.112.048.403	146.849.007.213
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(54.636.225.864)	(48.554.056.224)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	-	1.518.361.343
- Nguyên giá	228		-	1.784.949.755
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	(266.588.412)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	13.949.350.729	10.441.108.032
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	240		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>3.065.640.215</b>	<b>1.298.144.908</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	3.065.640.215	1.298.144.908
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	270		<b>218.368.077.800</b>	<b>266.598.052.792</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	01/01/2012 VND
			31/12/2012 VND	
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>184.093.166.242</b>	<b>220.622.998.739</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>158.804.077.975</b>	<b>186.954.844.560</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	54.570.106.850	57.253.307.500
2. Phải trả người bán	312	VII.01	9.096.667.309	22.638.816.707
3. Người mua trả tiền trước	313	VII.01	41.680.545.500	59.570.440.999
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	16.872.412.025	7.184.453.888
5. Phải trả người lao động	315		3.469.166.560	3.481.941.090
7. Phải trả nội bộ	317		-	665.801.451
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	31.453.719.707	35.123.674.915
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.661.460.024	1.036.408.010
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.289.088.267</b>	<b>33.668.154.179</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		9.088.267	14.088.267
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	25.280.000.000	33.235.253.950
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	418.811.962
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>34.274.911.558</b>	<b>45.975.054.053</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.13	<b>34.274.911.558</b>	<b>38.998.991.832</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		33.793.632.566	37.324.210.837
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.674.780.995	1.674.780.995
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.193.502.003)	-
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	<b>6.976.062.221</b>
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	6.976.062.221
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>			<b>218.368.077.800</b>	<b>266.598.052.792</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	TM	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
1. Tài sản thuê ngoài	24	-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ông Lê Văn Tân  
 Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 04 năm 2013



Ông Phạm Ngọc Thành  
 Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	149.320.957.495	200.082.350.090
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	82.674.182	33.334.545
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	VI.01			
4. Giá vốn hàng bán	10		149.238.283.313	200.049.015.545
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	11	VI.02	128.930.008.136	175.192.270.451
6. Doanh thu hoạt động tài chính	20		<b>20.308.275.177</b>	<b>24.856.745.094</b>
7. Chi phí tài chính	21	VI.03	62.512.957	163.309.823
Trong đó: Chi phí lãi vay	22	VI.04	12.447.737.598	17.163.876.747
8. Chi phí bán hàng	23		12.447.737.598	17.163.876.747
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		-	-
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	25		6.867.137.859	7.942.204.428
11. Thu nhập khác	30		<b>1.055.912.677</b>	<b>(86.026.258)</b>
12. Chi phí khác	31		1.270.869.903	559.636.754
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	32		3.439.101.140	343.767.330
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	40	VI.05	(2.168.231.237)	<b>215.869.424</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	50		(1.112.318.560)	<b>129.843.166</b>
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	51	VI.06	44.813.306	48.932.298
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	52		-	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	60		(1.157.131.866)	<b>80.910.868</b>
	70		-	-



Ông Lê Văn Tân  
 Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 04 năm 2013

Ông Phạm Ngọc Thành  
 Giám đốc

**BÁO CÁO LUU CHUYỀN TIỀN TỆ**  
*(theo phương pháp trực tiếp)*  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>(1)</b>	<b>(2)</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		150.889.521.940	231.134.601.572
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(92.922.222.065)	(133.237.241.759)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(18.230.706.355)	(25.991.450.887)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(12.447.747.876)	(17.163.876.748)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(159.843.846)	(696.031.650)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		36.971.459.954	44.691.539.455
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(31.269.892.972)	(58.209.402.159)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>32.830.568.780</b>	<b>40.528.137.824</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(11.900.000)	(199.550.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.510.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	135.490.197
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11.900.000)</b>	<b>3.445.940.197</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		42.174.000.000	54.550.054.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(74.335.356.450)	(95.889.957.713)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(32.161.356.450)</b>	<b>(41.339.903.713)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>657.312.330</b>	<b>2.634.174.308</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>2.634.174.308</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>3.291.486.638</b>	<b>2.634.174.308</b>

Ông Lê Văn Tân  
 Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 04 năm 2013



Ông Phạm Ngọc Thành  
 Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đăk lăk là Doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích được thành lập bởi Bộ giao thông vận tải theo quyết định số 495/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 25 tháng 3 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40.06.000025 ngày 12 tháng 5 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Lăk cấp. Vào ngày 16 tháng 06 năm 2010 Công ty đã chính thức chuyển đổi từ Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đăk Lăk, Công ty Nhà nước thuộc Tổng Cục Đường bộ Việt nam thành Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đăk Lăk theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải số 3671/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 12 năm 2009 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000235066 ngày 16 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Lăk cấp.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm: 33.793.632.566 VND.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 36 Hùng Vương, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán, thủ tục kế toán và các thông lệ Báo cáo được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Vì vậy, việc sử dụng Báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin, thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |  |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa                            | - giá vốn thực tế theo phương pháp [nhập trước, xuất trước /bình quân gia quyền /nhập sau, xuất trước].  |
| Thành phẩm và [chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang] | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp [cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường]. |

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) dựa trên bằng chứng thích hợp về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Tài sản cố định**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng cho tất cả các tài sản cố định hữu hình và vô hình (ngoại trừ quyền sử dụng đất không có thời hạn) trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 12 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

***Chi phí chờ phân bổ***

Công cụ và vật tư có giá trị lớn sử dụng cho sản xuất được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần trong 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

***Các khoản phải trả và trích trước***

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

***Ghi nhận doanh thu***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

***Tiền cho thuê***

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

***Hợp đồng xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ phi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thường và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

***Thuế***

***Thuế hiện hành***

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**V. 1 TIỀN**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	1.508.962.901	737.301.184
Tiền gửi ngân hàng	1.782.523.737	1.896.873.124
<b>Tổng</b>	<b>3.291.486.638</b>	<b>2.634.174.308</b>

**V. 2 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu khác	6.162.263.808	4.240.606.038
<b>Tổng</b>	<b>6.162.263.808</b>	<b>4.240.606.038</b>

**V. 3 HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.389.221.538	13.823.773.590
Công cụ, dụng cụ	1.048.843.951	747.183.713
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.827.750.888	15.471.742.866
Thành phẩm	16.328.325.922	23.342.662.845
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>49.594.142.299</b>	<b>53.385.363.014</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>49.594.142.299</b>	<b>53.385.363.014</b>

**V. 4 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	1.167.459	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	10.119.690	-
<b>Tổng</b>	<b>11.287.149</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**V.5 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đ minden		Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
			dẫn	dụng			
Số dư tại 01/01/2012	16.139.929.984	85.875.599.999	41.824.612.833	1.364.211.483	1.644.652.914	146.849.007.213	
Tăng trong năm	60.000.000	1.708.161.893	-	-	208.772.727	1.976.934.620	
Mua trong năm	60.000.000	1.708.161.893			208.772.727	1.976.934.620	
Giảm trong năm	11.540.235.533	1.901.295.716	1.044.531.435	1.010.795.746	217.035.000	15.713.893.430	
Thanh lý, nhượng bán							
Giảm khác							
Số dư tại 31/12/2012	<b>4.659.694.451</b>	<b>85.682.466.176</b>	<b>40.780.081.398</b>	<b>353.415.737</b>	<b>1.636.390.641</b>	<b>133.112.048.403</b>	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Số dư tại 01/01/2012	4.423.112.277	25.873.762.981	16.912.210.225	532.729.761	812.240.980	48.554.056.224	
Tăng trong năm	266.761.257	7.666.298.928	2.405.481.156	52.122.023	80.221.157	10.470.884.521	
Kháu hao trong năm	266.761.257	7.666.298.928	2.405.481.156	52.122.023	80.221.157	10.470.884.521	
Tăng khác							
Giảm trong năm							
Chuyển sang bất động sản đầu tư							
Thanh lý, nhượng bán							
Số dư tại 31/12/2012	<b>1.883.543.755</b>	<b>33.269.447.128</b>	<b>18.668.175.229</b>	<b>324.182.264</b>	<b>490.877.488</b>	<b>54.636.225.864</b>	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại 01/01/2012	<b>11.716.817.707</b>	<b>60.001.837.018</b>	<b>24.912.402.608</b>	<b>831.481.722</b>	<b>832.411.934</b>	<b>98.294.950.989</b>	
Tại 31/12/2012	<b>2.776.150.696</b>	<b>52.413.019.048</b>	<b>22.111.906.169</b>	<b>29.233.473</b>	<b>1.145.513.153</b>	<b>78.475.822.539</b>	

Ghi chú: trong năm 2011 đơn vị có nhận tài sản bàn giao theo quyết định số 2379/QĐ-TCDBVN ngày 21 tháng 12 năm 2011 và quyết định số 2288/QĐ-TCDBVN ngày 27 tháng 12 năm 2011 tuy nhiên công ty chi hạch toán giá trị còn lại vào tài sản có định của công ty. Do đó công ty điều chỉnh nguyên giá và khấu hao đầu kỳ năm 2012 theo đúng nguyên giá và khấu hao năm 2012. Tài sản có định tăng: 10.830.507.453 VNĐ và khấu hao tăng: 10.830.507.453 VNĐ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**V. 6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2012</b> <b>VND</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	13.949.350.729	10.441.108.032
Công trình khu dân cư Quảng Thành - Đăk Nông	11.401.887.918	7.936.145.221
Công trình mỏ đá Hòa Phú	2.444.295.267	2.444.295.267
Nhà ở mỏ đá Quảng Khê	63.167.544	60.667.544
Công trình mỏ đá Đăkadio	40.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>13.949.350.729</b>	<b>10.441.108.032</b>

**V. 7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2012</b> <b>VND</b>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	423.662.603	726.700.603
Chi phí trả trước khác	2.641.977.612	571.444.305
<b>Cộng</b>	<b>3.065.640.215</b>	<b>1.298.144.908</b>

**V. 8 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2012</b> <b>VND</b>
Vay ngắn hạn	54.570.106.850	57.253.307.500
<b>Tổng</b>	<b>54.570.106.850</b>	<b>57.253.307.500</b>

*Chi tiết vay ngắn hạn*

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc	Số nợ gốc phải trả kỳ tới	Phương thức bảo đảm vay
Vay ngắn hạn NH NN&PTNT CN TX						
Buôn Hồ	Thả nồi	10 tháng	10.500.000.000	10.500.000.000	10.500.000.000	Tài sản
Vay ngắn hạn NH Ngoại thương	13% năm	6 tháng	39.320.701.850	39.320.701.850	39.320.701.850	Tài sản
Vay ngắn hạn NH TMCP Quân đội - CN Đăk Lăk	Thả nồi	6 tháng	4.749.405.000	4.749.405.000	4.749.405.000	Tài sản
<b>Cộng</b>			<b>54.570.106.850</b>	<b>54.570.106.850</b>		

**V. 9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2012</b> <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	10.726.017.009	6.015.202.083
Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.172.371	48.752.124
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	208.810.500	1.120.499.681
Các loại thuế khác	5.868.412.145	-
<b>Tổng</b>	<b>16.872.412.025</b>	<b>7.184.453.888</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**V. 10 PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	576.688.908	384.591.657
Bảo hiểm xã hội	5.169.626.321	3.449.917.288
Bảo hiểm y tế	65.304.921	768.771.964
Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.642.099.557	30.520.394.006
<b>Tổng</b>	<b>31.453.719.707</b>	<b>35.123.674.915</b>

**V. 11 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn	25.280.000.000	33.235.253.950
<b>Tổng</b>	<b>25.280.000.000</b>	<b>33.235.253.950</b>

Trong đó: Chi tiết các khoản vay dài hạn

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc	Số nợ gốc phải trả kỳ tới	Phương thức bảo đảm vay
Ngân hàng NN TX						
Buôn Hồ		1,2%/tháng	12 tháng	9.600.000.000	9.600.000.000	Tài sản
Ngân hàng Đầu tư DakLak		1,2%/tháng	12 tháng	1.600.000.000	1.600.000.000	Tài sản
Ngân hàng Ngoại thương Đaklak		1,2%/tháng	12 tháng	14.080.000.000	14.080.000.000	Tài sản
<b>Cộng</b>				<b>25.280.000.000</b>	<b>25.280.000.000</b>	

**V. 12 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	23.790.096.691		1.666.689.908		25.456.786.599
Tăng trong năm trước	13.846.738.146	15.375.169	8.091.087	80.910.868	13.951.115.270
Tăng vốn	13.809.793.758				13.809.793.758
Lãi				80.910.868	80.910.868
Tăng khác	36.944.388	15.375.169	8.091.087		60.410.644
Giảm trong năm trước	312.624.000	15.375.169		80.910.868	408.910.037
Giảm vốn	312.624.000	15.375.169			327.999.169
Giảm khác				80.910.868	80.910.868
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>37.324.210.837</b>	<b>-</b>	<b>1.674.780.995</b>	<b>-</b>	<b>38.998.991.832</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tăng trong năm nay	<b>54.034.025</b>	<b>54.034.025</b>	-	-	<b>108.068.050</b>
Tăng vốn	54.034.025				<b>54.034.025</b>
Lãi			-	-	-
Tăng khác		54.034.025	-		<b>54.034.025</b>
<b>Giảm trong năm nay</b>	<b>3.584.612.296</b>	<b>54.034.025</b>	-	<b>1.193.502.003</b>	<b>4.832.148.324</b>
Giảm vốn	3.584.612.296				<b>3.584.612.296</b>
Lỗ			1.193.502.003		<b>1.193.502.003</b>
Giảm khác		54.034.025			<b>54.034.025</b>
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>33.793.632.566</b>	<b>-</b>	<b>1.674.780.995</b>	<b>(1.193.502.003)</b>	<b>34.274.911.558</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Nhà nước	33.793.632.566	37.324.210.837
Vốn góp của đối tượng khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>33.793.632.566</b>	<b>37.324.210.837</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>37.324.210.837</b>	<b>23.790.096.691</b>
Vốn góp đầu năm	37.324.210.837	23.790.096.691
Vốn góp tăng trong năm	54.034.025	13.846.738.146
Vốn góp giảm trong năm	3.584.612.296	312.624.000
Vốn góp cuối năm	33.793.632.566	37.324.210.837

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**VI. 1 DOANH THU**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	149.320.957.495	200.082.350.090
<b>Tổng</b>	<b>149.320.957.495</b>	<b>200.082.350.090</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Giảm giá hàng bán	82.674.182	33.334.545
<b>Tổng</b>	<b>82.674.182</b>	<b>33.334.545</b>
<b>Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	149.238.283.313	200.049.015.545
<b>Tổng</b>	<b>149.238.283.313</b>	<b>200.049.015.545</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**VI. 2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2012</b> VND	<b>Năm 2011</b> VND
Giá vốn của hàng hóa dịch vụ đã bán	128.930.008.136	175.192.270.451
<b>Cộng</b>	<b>128.930.008.136</b>	<b>175.192.270.451</b>

**VI. 3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2012</b> VND	<b>Năm 2011</b> VND
Lãi tiền gửi	62.512.957	163.309.823
<b>Tổng</b>	<b>62.512.957</b>	<b>163.309.823</b>

**VI. 4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2012</b> VND	<b>Năm 2011</b> VND
Chi phí lãi vay	12.447.737.598	17.163.876.747
<b>Tổng</b>	<b>12.447.737.598</b>	<b>17.163.876.747</b>

**VI. 5 LỢI NHUẬN KHÁC**

	<b>Năm 2012</b> VND	<b>Năm 2011</b> VND
Các khoản thu khác	1.270.869.903	559.636.754
<b>Công thu nhập khác</b>	<b>1.270.869.903</b>	<b>559.636.754</b>
Các khoản chi khác	3.439.101.140	343.767.330
<b>Công chi phí khác</b>	<b>3.439.101.140</b>	<b>343.767.330</b>
 <b>Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	 <b>(2.168.231.237)</b>	 <b>215.869.424</b>

**VI. 6 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 25 % lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2012</b> VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>	44.813.306
<b>Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế</b>	
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (*)	
<b>Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>179.253.224</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

<b>Thu nhập chịu thuế</b>	179.253.224
Thuế suất	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	44.813.306
<b>Thuế thu nhập hoãn lại</b>	-
<b>Tổng cộng Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	44.813.306

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### VII. 1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC

#### a) Các khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>35.800.261.911</b>	<b>49.098.038.960</b>
Ban Quản lý dự án 3	-	893.575.000
Ban Quản lý DA đường Hồ Chí Minh	14.866.517.000	5.597.527.174
Ban Chỉ huy quân sự Tp. Buôn Ma Thuột	30.185.000	30.185.000
Ban Quản lý dự án thuỷ điện 6	-	2.029.088.778
Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh Đăk Nông	93.385.000	93.385.000
Ban Quản lý dự án thuỷ điện 5	5.407.000	5.407.000
Công An Tỉnh Đăk Nông	1.590.025.000	94.135.000
Công ty 17 - Bộ Quốc Phòng	38.216.000	37.958.000
Công ty Xây dựng công trình số 2	-	384.514.000
Công ty Công trình giao thông 423 (Cenco4)	93.300.571	94.561.571
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	-	3.580.690.286
Tổng công ty xây dựng 4 (Hycos 4)	4.442.094.574	4.443.601.143
Công ty Xây dựng CTGiao thông 892	255.363.000	463.363.000
Công ty TNHH Bình Minh	-	20.661.000
Công ty Kinh doanh nhà Đăk Lăk	-	26.640.000
Công ty Liên doanh đường bộ 5	4.143.000.553	4.532.142.994
Công ty cổ phần xây dựng Lĩnh Nam	30.400.000	30.400.000
Công ty TNHH Phú Thịnh	155.102.500	198.435.000
Công ty TNHH Phú Xuân	59.430.000	70.717.500
Công ty Xây lắp công trình Tây Nguyên	-	41.055.000
Công ty CP CT Thành Phát	-	16.260.000
Công ty TNHH Thiên Trường	19.640.500	19.640.500
Công ty TNHH XD TM Sài Gòn	287.480.000	32.357.500
Công ty CP Xây dựng ĐăkLak	-	33.485.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

DNTN TM & VT Hương Càn	-	35.984.000
DNTN Thu Vân	-	46.031.754
Khu quản lý đường bộ V	5.441.824.000	25.573.768.760
UBND Xã EaKao	584.951.000	672.469.000
Ban Quản lý dự án Sở GTVT Đaklak	843.757.000	-
Công ty Xây dựng 384 - (TCty Trường Sơn)	2.550.197.801	-
Công ty TNHH Anh Minh	20.500.000	-
Công ty TNHH SXTM&DV Phong Quang	10.736.299	-
Công ty TNHH Rạng Đông	106.996.000	-
Công ty TNHH Thạch Lợi	12.341.113	-
Công ty TNHH Thê An	88.740.000	-
Công ty TNHH XD Thượng Hải	13.150.000	-
Công ty CP Vật tư & Xây dựng Đaklak	11.160.000	-
Công ty TNHH MTV Việt Thịnh	4.906.000	-
Công ty TNHH Xuân Quỳnh	1.456.000	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>25.288.085.884</b>	<b>40.046.915.985</b>
Cửa hàng phụ tùng khai thác khoáng sản Thành Đạt	500.000	500.000
Công ty cà phê Buôn Ma Thuột	-	144.525.246
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và đầu tư Đăk An	-	5.000.000.000
Công ty TNHH tư vấn thiết kế Đăk Quảng	-	116.833.000
Công ty TNHH Đồng Lợi	-	132.190.850
Công ty TNHH MTV in Đăk Lăk	-	28.143.500
Công ty Liên doanh đường bộ 5	150.000.000	150.000.000
Công ty TNHH Thạch Lợi	-	12.730.391
Công ty TNHH Xây dựng và đầu tư Thuận An	23.365.587.000	15.000.000.000
Công ty TNHH thương mại - sản xuất - dịch vụ Tín Tl	-	9.000.000.000
Công ty Tư vấn & khảo sát TKXD Bộ Quốc Phòng	40.500.000	40.500.000
Công ty CP Công trình Việt Nguyên	-	107.500.000
Công ty CP TM và XNK vật tư Giao Thông	719.569.900	733.160
Công ty TNHH Xây dựng Yến Ngân	-	10.151.000.000
Điện lực ĐăkNông	-	117.053.909
Điện lực Đăk Lăk	12.621.279	12.621.279
Trung tâm NC và thực nghiệm máy xây dựng	32.584.650	32.584.650
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng á Châu	40.000.000	-
Công ty TNHH MTV An Trần	28.000.000	-
Chi nhánh Cty ĐT&XD cấp thoát nước tại Daklak	10.091.994	-
Chi nhánh nhựa đường Đà Nẵng	10.434.600	-
Công ty QL&KT Hầm đường bộ Hải Vân (Cơ khí GT	132.062.467	-
Công ty TNHH Huy Hồng	382.046.707	-
Công ty TNHH MTV xây dựng Mai Thủ	95.000.000	-
Công ty TNHH Mỹ Nga	32.369.727	-
CN Công ty TNHH xây dựng Tân Bình	116.283.760	-
Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	120.283.800	-
DNTN bột màu Hồng Hà	150.000	-
<b>Tổng</b>	<b>61.088.347.795</b>	<b>89.144.954.945</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

b) Các khoản phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	<b>31/12/2012</b> VND	<b>01/01/2012</b> VND
<b>Phải trả người bán</b>		
Ban Quản lý dự án đường bộ 5	9.096.667.309	22.638.816.707
Cửa hàng phụ tùng Anh Quốc (Bôn)	9.300.000	69.300.000
Cửa hàng Phụ tùng Khai thác đá Thành Đạt	114.254.000	31.040.000
Cửa hàng Trường Hải	260.420.000	652.526.000
Công ty Cơ khí ô tô 1-5 - Hà Nội	62.950.000	29.370.000
Công ty Xây dựng 384 - (TCty Trường Sơn)	-	1.168.340.170
Công ty cổ phần ĐT & XD KT công trình 537	9.217.200	9.217.200
Chi nhánh nhựa đường Đà Nẵng	50.000.000	50.000.000
Chi nhánh Hóa chất mỏ Đăk Lăk	-	5.685.048.500
Chi nhánh Cty CP Kim Khí Miền Trung tại ĐăkLak	199.725.912	300.889.912
Công ty QL&SC cầu đường bộ ĐăkNông	34	388.675.549
Công ty QL&KT Hầm đường bộ Hải Vân (Cơ khí GT)	375.993.533	2.328.733.301
Công ty TNHH TM&SX Dũng Liên	-	1.275.699.533
Công ty TNHH MTV Hoa Đăng	270.614.652	134.268.207
Công ty TNHH TM Hồ Bửu	558.779.140	500
Công ty TNHH Huy Hồng	-	5.365.842
Công ty TNHH SXTMDV Ngọc Linh	319.351.500	365.375.050
Công ty TNHH Thương Mại Nguyên Vũ	134.348.000	125.637.965
Công ty TNHH SXTM&DV Phong Quang	-	10.637.701
Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải	2.533.813.738	511.218.550
CN Công ty TNHH xây dựng Tân Bình	-	74.996.600
Công ty TNHH Thạch Anh	19.888.710	109.907.248
Công ty TNHH Thảo Linh	-	89.050.000
Công ty TNHH thương mại Thịnh Kim	-	899.808.000
Công ty TNHH MTV dịch vụ Thực Loan	-	695.970.000
Công ty TNHH MTV Trường Ngọc	165.424.713	487.647.896
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng C.D.C	79.165.823	279.833.019
Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	-	944.619.558
Công ty TNHH Xuân Quỳnh	-	276.213.031
Đại lý VLXD Đức Thịnh	619.942.700	3.582.181.085
DNTN Anh Bằng	77.054.260	77.054.260
DNTN Định Phát	59.999.940	59.999.940
DNTN Đức Tài	98.328.851	233.409.788
DNTN Duy Hùng	27.500.000	25.965.000
DNTN bột màu Hồng Hà	-	50.000
DNTN Thương mại Mến Phụng	12.921.154	12.921.154
DNTN Thành Luân	435.956.273	435.956.273
DNTN Thanh Thảo	54.449.693	114.291.896
Hợp tác xã Cơ khí Giải Phóng	-	38.225.000
CT TNHH khách sạn và du lịch Bạch Mã	417.272	417.272
Tạp Chí Con Đường Xanh	6.000.000	6.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trung tâm Kỹ thuật đường bộ V	64.949.000	64.949.000
Trung tâm Viễn thông 2 (Nam BMT)	1.999.982	87.595.950
XNSX Nhựa đường & SCĐB tại Bình Định	278.332.125	461.746.060
Xí nghiệp Tư doanh Thương Mại Nhu Đang	821.007.000	438.280.197
Công ty TNHH TM DV tổng hợp Lưu Anh Quân	68.781.900	-
Công ty TNHH An phú	38.920.826	-
Công ty Bảo hiểm Đăklak	1.916.000	-
Công ty TNHH tư vấn thiết kế Đăk Quảng	233.666.000	-
Công ty CP An Đạt Phát	19.840	-
Công ty TNHH Đồng Lợi	114.384.538	-
Công ty CP Vật liệu xây dựng Tây Nguyên	198.205.000	-
Công ty CP Công trình Việt Nguyên	107.500.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Yên Ngân	564.960.000	-
DNTN TM & VT Hương Càn	18.983.000	-
Tạp chí Đường bộ Việt Nam	27.225.000	-
<b>Người mua trả trước</b>		
Ban Quản lý các dự án TP. Buôn Ma Thuột	<b>41.680.545.500</b>	<b>59.570.440.999</b>
Ban Quản lý dự án đường bộ 5	27.779.599.000	33.407.601.010
Ban Quản lý dự án Sở GTVT Đăklak	4.103.984.000	8.598.899.700
Ban Quản lý các dự án huyện Tuy Đức	-	4.214.008.289
Ban điều hành DA đường HCM-Tổng CTy XDCTGT	8.857.297.000	11.376.330.000
Công ty VLXD&XL thương mại BMC	594.107.900	487.436.780
Công ty cổ phần 482	-	516.228.500
Công ty Cổ phần ĐTXD & TM 886	49.200.000	49.200.000
Công ty TNHH xây dựng - tư vấn Điện Nguyên	127.774.000	806.670.720
Công ty CP Hữu Phát	-	9.066.000
Công ty TNHH Rạng Đông	-	5.000.000
Công ty 98 - Chi nhánh công ty xây dựng Trường Sơn	11.190.000	100.000.000
Công ty CP XD&TM Hùng Vương	53.893.600	-
Công ty CP ĐTXD Dũng Nam	21.600.000	-
Công ty cổ phần xây dựng Phát Định	20.000.000	-
Công ty TNHH Triệu Sơn	61.900.000	-
<b>Tổng</b>	<b><u>50.777.212.809</u></b>	<b><u>82.209.257.706</u></b>

## VII. 2 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

## VII. 3 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong năm 2013, Công ty sẽ tiến hành cổ phần hóa theo Quyết định số 2418/QĐ-BGTVT ngày 03/10/2012 của Bộ Giao thông Vận tải.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

## VII. 4 THÔNG TIN VỀ TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**VII. 5 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán FAC – Chi nhánh Đà Nẵng

**VII. 6 PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được  
Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 23 tháng 04 năm 2013.



Ông Lê Văn Tân  
Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 04 năm 2013

Ông Phạm Ngọc Thành  
Giám đốc

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
**SỐ CHỨNG THỰC 8482 QUYỀN SỞ UBND/SCT/SGT**  
**Ngày 16 tháng 10 năm 2013**  
**UBND PHƯỜNG THỐNG NHẤT**  
**TÙ TỊCH**

